

Số: 06/TB-MPC25

Cà Mau, ngày 27. tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Công ty mẹ (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Công ty mẹ năm 2024

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày:

..27./03/2025 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Công ty mẹ năm 2024
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký doanh nghiệp số 2000393273 ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 15 tháng 10 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Chu Thị Bình	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Quang	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
	Bà Hồ Thu Lê	Thành viên
	Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên
	Ông Sasaki Takahiro	Thành viên
	Ông Suzuki Yoshiaki	Thành viên
		(từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)
	Ông Hamaya Harutoshi	Thành viên
		(đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tsunoda Norihisa	Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh	Trưởng ban
	Bà Lâm Thị Thúy Kiều	Thành viên
	Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	Thành viên

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 18 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00365-25-3



Triệu Tích Xuyên

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

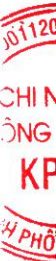
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.816.960.941.782	3.168.304.234.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	349.195.011.952	295.636.710.483
Tiền	111		61.195.011.952	67.599.710.483
Các khoản tương đương tiền	112		288.000.000.000	228.037.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.226.036.394	8.226.036.394
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.274.269.157.666	929.352.573.182
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	997.127.050.609	692.398.129.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	42.713.614.460	28.520.834.529
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	170.700.000.000	141.983.309.684
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	73.213.988.307	75.935.795.579
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(9.485.495.710)	(9.485.495.710)
Hàng tồn kho	140	10	1.107.284.399.614	1.911.294.084.666
Hàng tồn kho	141		1.107.284.399.614	1.943.494.117.590
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(32.200.032.924)
Tài sản ngắn hạn khác	150		82.986.336.156	23.794.829.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.602.036.750	3.536.210.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	74.540.245.805	18.725.689.395
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(c)	4.844.053.601	1.532.929.823

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.677.392.320.146	4.402.927.875.359
Tài sản cố định	220		214.198.579.977	208.804.675.014
Tài sản cố định hữu hình	221	11	197.880.031.849	191.896.151.218
Nguyên giá	222		634.051.735.152	609.995.191.496
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(436.171.703.303)	(418.099.040.278)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.318.548.128	16.908.523.796
Nguyên giá	228		35.848.801.130	34.766.546.130
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.530.253.002)	(17.858.022.334)
Tài sản dở dang dài hạn	240		82.611.181.002	100.424.595.075
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	82.611.181.002	100.424.595.075
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.346.485.153.270	4.058.533.770.912
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	5.921.502.034.231	5.311.626.449.501
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.590.416.880.961)	(1.268.492.678.589)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	11.500.000.000	11.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		34.097.405.897	35.164.834.358
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	33.577.587.764	35.164.834.358
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	519.818.133	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.494.353.261.928	7.571.232.109.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

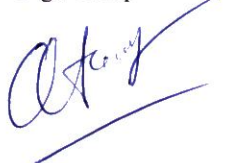
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.399.917.252.003	2.157.609.715.160
Nợ ngắn hạn	310		2.399.917.252.003	2.157.230.432.433
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	127.153.479.900	106.354.903.474
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		231.646.292.794	65.300.175.299
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	9.342.099.886	5.692.712.453
Phải trả người lao động	314		56.958.161.021	52.461.036.280
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.426.725.516	2.402.638.008
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	299.408.566.563	14.754.678.926
Vay ngắn hạn	320	19	1.627.445.939.754	1.874.070.145.202
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	45.535.986.569	36.194.142.791
Nợ dài hạn	330		-	379.282.727
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	-	379.282.727
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.094.436.009.925	5.413.622.394.284
Vốn chủ sở hữu	410	21	5.094.436.009.925	5.413.622.394.284
Vốn cổ phần	411	22	4.009.383.000.000	3.998.873.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		292.269.641.421	292.399.641.421
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	62.592.983.652	15.781.800.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		730.190.384.852	1.106.567.952.233
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		695.061.316.930	1.117.137.329.812
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		35.129.067.922	(10.569.377.579)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.494.353.261.928	7.571.232.109.444

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

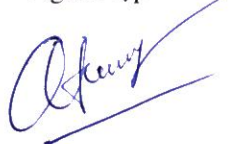
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	8.489.278.359.306	6.513.014.973.432
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	37.820.855.069	73.917.417.301
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	8.451.457.504.237	6.439.097.556.131
Giá vốn hàng bán	11	26	7.853.547.925.733	5.841.713.375.515
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		597.909.578.504	597.384.180.616
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	396.976.909.824	253.109.968.476
Chi phí tài chính	22	28	450.168.003.330	478.678.638.072
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.949.740.925	69.723.588.483
Chi phí bán hàng	25	29	416.950.687.617	288.613.948.408
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	98.442.896.857	96.581.405.015
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.324.900.524	(13.379.842.403)
Thu nhập khác	31		7.196.783.786	4.212.799.459
Chi phí khác	32		2.291.717.248	251.784.252
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.905.066.538	3.961.015.207
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.229.967.062	(9.418.827.196)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(899.100.860)	1.150.550.383
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		35.129.067.922	(10.569.377.579)

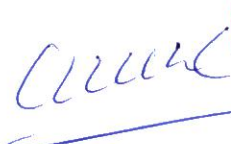
Ngày 18 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng




Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		34.229.967.062	(9.418.827.196)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.205.902.769	39.137.738.061
Các khoản dự phòng	03		317.277.594.340	347.551.153.156
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.985.154.197	(4.477.195.087)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		(376.443.899)	(22.465.833)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(358.024.526.681)	(208.993.631.999)
Chi phí lãi vay	06		67.949.740.925	69.723.588.483
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		102.247.388.713	233.500.359.585
Biến động các khoản phải thu	09		(380.151.136.232)	1.916.491.941.992
Biến động hàng tồn kho	10		808.656.293.084	218.734.981.400
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		478.703.082.368	(1.981.035.662.265)
Biến động chi phí trả trước	12		1.521.419.986	2.383.854.850
			1.010.977.047.919	390.075.475.562
Tiền lãi vay đã trả	14		(67.949.740.925)	(69.723.588.483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.124.457.117)	(22.644.517.037)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.219.745.163	22.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.909.771.240)	(14.620.209.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		920.212.823.800	283.109.660.213

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(30.468.044.335)	(49.672.927.419)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.749.012.730	1.280.000.000
Tiền chi cho vay	23		(170.100.000.000)	(122.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	23		141.383.309.684	6.416.690.316
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	23		5.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư trái phiếu	25		-	(1.500.000.000)
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25		(607.935.584.730)	(188.134.433.881)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.325.811.758	142.640.977.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(596.045.494.893)	(211.369.693.048)


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2024 VND	2023 VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	10.380.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	6.651.838.702.164	5.470.503.238.472
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.901.009.712.508)	(5.682.323.817.882)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(164.353.024.344)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36	(31.076.874.082)	(41.581.278.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(269.867.884.426)	(417.754.882.169)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	54.299.444.481	(346.014.915.004)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	295.636.710.483	637.929.538.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(741.143.012)	3.722.086.765
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	349.195.011.952	295.636.710.483

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

Người lập

Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thực ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; xây dựng và phát triển nhà dân dụng để bán và cho thuê cùng với các cơ sở (bao gồm cơ sở thương mại) nhằm mục đích cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 16 công ty con và 1 công ty liên kết) như được trình bày ở Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 6.315 nhân viên (1/1/2024: 6.341 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ngoại trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính. Các khoản mục này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 2 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 2 – 12 năm |



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 43 năm đến 59 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phân chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê trong đó Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	2.304.301.241	116.802.655
Tiền gửi ngân hàng	58.890.710.711	67.482.907.828
Các khoản tương đương tiền (*)	288.000.000.000	228.037.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	349.195.011.952	295.636.710.483

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,8% đến 4,0% (1/1/2024: 2,7% đến 3,4%).

Không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn được cấp cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 165.000 triệu đồng) (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	505.800	-	18	180.000	396.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.217.900	-	19	80.000	1.358.500	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới								
Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	-	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân								
Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	2.291.044.000	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	2.258.314.800	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.600.997.700	(5.580.753.017)		8.806.789.411	3.568.299.300	(5.580.753.017)

Không có biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm 2024 (2023: Không).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	-	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	11.500.000.000	11.500.000.000

- (i) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này hưởng lãi suất năm từ 6,52% đến 7,54% (2023: từ 6,52% đến 7,54%), và đã đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2024.
- (ii) Số dư này phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 31 tháng 7 năm 2020, ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 30 tháng 7 năm 2030, ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 6,53% đến 8,53% (2023: từ 6,53% đến 8,53%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ehisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% số hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,50%	99,50%	199.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	595.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.217.050.000.000	(646.674.196.336)	(iii)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	264.040.000.000	(144.405.348.375)	(iii)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(793.258.581.596)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	39.500.000.000	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	332.200.000.000	(6.078.754.654)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(iii)

5.921.502.034.231 (1.590.416.880.961)

Công ty liên kết

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú
Aquamekong

Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

49,00% 49,00% 3.900.000.000 (iii)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2024

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

- Mseafood Corporation
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (i)
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Ebisumo Logistic Co., Ltd.
- Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)
- Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics
- Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)
- Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm rừng Minh Phú

Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,00%	90,00%	323.162.400.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,27%	98,27%	1.784.399.634.231	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,50%	97,50%	195.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	99,17%	99,17%	283.450.601.469	-	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,89%	99,89%	1.050.523.813.801	(498.111.404.853)	(iii)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	99,78%	99,78%	237.040.000.000	(137.012.099.149)	(iii)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,00%	100,00%	1.020.000.000.000	(625.917.816.519)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	10.000.000.000	(438.720.336)	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	(iii)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,00%	100,00%	11.099.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	37.000.000.000	(1.613.186.999)	(iii)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	233.900.000.000	(5.135.971.227)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	2.000.000.000	(263.479.506)	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	51,00%	51,00%	51.000.000	-	(iii)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,95%	99,09%	100.000.000.000	-	(iii)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,00%	100,00%	4.000.000.000	-	(iii)
			5.311.626.449.501	(1.268.492.678.589)	
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	3.900.000.000	-	(iii)

Công ty liên kết

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú
Aquamekong

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Tiểu bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).
- (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.311.626.449.501	5.113.672.015.620
Góp vốn vào các công ty con trong năm	605.875.584.730	197.954.433.881
Mua lại cổ phần trong công ty con từ một cổ đông không kiểm soát	4.000.000.000	-
Số dư cuối năm	5.921.502.034.231	5.311.626.449.501

Không có biến động của đầu tư vào các công ty liên kết trong năm.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.268.492.678.589	917.652.823.623
Tăng trong năm	1.590.416.880.961	354.332.597.024
Hoàn nhập trong năm	(1.268.492.678.589)	(3.492.742.058)
Số dư cuối năm	1.590.416.880.961	1.268.492.678.589

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết có giá trị còn lại là 4.334.985 triệu VND (1/1/2024: 4.047.034 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	266.067.146.918 226.962.359.273	43.906.070.563
▪ Mseafood Corporation		242.890.065.804
▪ Kb Seafood Company Pty Ltd.	163.251.601.705	98.469.165.451
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	38.774.030.268	70.381.707.635
▪ Các khách hàng khác	302.071.912.445	236.751.119.647
	997.127.050.609	692.398.129.100

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	266.067.146.918	43.906.070.563
▪ Mseafood Corporation	226.962.359.273	242.890.065.804
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd.	38.774.030.268	70.381.707.635
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	606.254.795	-
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	110.087.671	-
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy hải sản Minh Phú	44.000.000	44.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	59.929.727	44.000.000
▪ Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú	-	921.680.000

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2024 và 1/1/2024		Dự phòng VND
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn				
H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 4 năm	9.485.495.710	-	9.485.495.710

Không có biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	10.060.000.000	11.085.560.000
Các bên thứ ba		
▪ Sigma Seafood	8.791.658.460	-
▪ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Magnum	6.112.336.680	-
▪ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II	3.314.650.000	3.314.650.000
▪ Các nhà cung cấp khác	14.434.969.320	14.120.624.529
	42.713.614.460	28.520.834.529

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND và không có đảm bảo như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công ty con				
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	6%	2025	151.500.000.000	128.983.309.684
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	3,8% - 6%	2025	17.500.000.000	13.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	6%	2025	1.700.000.000	-
			170.700.000.000	141.983.309.684

Biến động của phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	141.983.309.684	26.000.000.000
Tăng trong năm	170.100.000.000	122.400.000.000
Thu hồi trong năm	(141.383.309.684)	(6.416.690.316)
Số dư cuối năm	170.700.000.000	141.983.309.684



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu	63.201.628.855	67.026.934.550
Chi hộ	1.607.507.147	1.460.758.394
Tạm ứng cho nhân viên	1.551.426.982	377.718.043
Đặt cọc ngắn hạn	450.000.000	950.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	110.000	1.255.356.027
Phải thu khác	6.403.315.323	4.865.028.565
	73.213.988.307	75.935.795.579

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	56.001.628.855	42.501.628.855
▪ Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	7.200.000.000	-
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	-	12.239.067.665
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Phát	-	9.996.354.940
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	-	2.289.883.090
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	-	657.284.811
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	-	57.205.479

Khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	86.041.678.347	-	57.242.590.063	(948.401.782)
Công cụ và dụng cụ	1.295.164.432	-	1.967.471.392	(32.597.291)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.428.803.935	-	41.337.971.858	(684.892.248)
Thành phẩm	994.518.752.900	-	1.842.946.084.277	(30.534.141.603)
	1.107.284.399.614	-	1.943.494.117.590	(32.200.032.924)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	32.200.032.924	35.488.734.734
Dự phòng sử dụng trong năm	(27.553.424.892)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.646.608.032)	(3.288.701.810)
Số dư cuối năm	-	32.200.032.924

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	174.476.727.736	324.080.426.345	91.368.561.725	20.069.475.690	609.995.191.496
Tăng trong năm	1.061.460.238	3.235.536.500	1.840.656.042	948.780.000	7.086.432.780
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.765.046.062	9.304.161.847	4.647.630.000	-	36.716.837.909
Thanh lý	-	(16.164.207.033)	(3.582.520.000)	-	(19.746.727.033)
Số dư cuối năm	198.303.234.036	320.455.917.659	94.274.327.767	21.018.255.690	634.051.735.152
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.433.253.744	248.959.567.808	51.857.455.416	15.848.763.310	418.099.040.278
Khấu hao trong năm	9.442.256.433	19.881.501.313	6.936.174.482	1.032.266.100	37.292.198.328
Thanh lý	-	(15.710.015.303)	(3.509.520.000)	-	(19.219.535.303)
Số dư cuối năm	110.875.510.177	253.131.053.818	55.284.109.898	16.881.029.410	436.171.703.303
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	73.043.473.992	75.120.858.537	39.511.106.309	4.220.712.380	191.896.151.218
Số dư cuối năm	87.427.723.859	67.324.863.841	38.990.217.869	4.137.226.280	197.880.031.849

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 251.603 triệu VND (1/1/2024: 223.098 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 19.358 triệu VND (1/1/2024: 21.200 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.464.359.012	20.302.187.118	34.766.546.130
Tăng trong năm	-	1.082.255.000	1.082.255.000
Số dư cuối năm	14.464.359.012	21.384.442.118	35.848.801.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.629.008.659	12.229.013.675	17.858.022.334
Khấu hao trong năm	185.541.345	1.486.689.323	1.672.230.668
Số dư cuối năm	5.814.550.004	13.715.702.998	19.530.253.002
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.835.350.353	8.073.173.443	16.908.523.796
Số dư cuối năm	8.649.809.008	7.668.739.120	16.318.548.128

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 4.435 triệu VND (1/1/2024: 4.435 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 1.610 triệu VND (1/1/2024: 1.673 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	100.424.595.075	86.480.505.863
Tăng trong năm	19.748.800.937	17.514.574.902
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.716.837.909)	-
Xóa sổ	(845.377.101)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(3.570.485.690)
Số dư cuối năm	82.611.181.002	100.424.595.075

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án nhà máy Khánh An	69.852.213.386	68.187.947.498
Nhà ở tập thể cho công nhân	-	18.948.989.177
Quyền sử dụng đất	11.671.500.000	11.671.500.000
Cải tạo văn phòng	1.087.467.616	1.616.158.400
Số dư cuối năm	82.611.181.002	100.424.595.075

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	21.004.045.345	14.160.789.013	35.164.834.358
Tăng trong năm	-	8.578.093.077	8.578.093.077
Phân bổ trong năm	(460.783.445)	(9.704.556.226)	(10.165.339.671)
Số dư cuối năm	20.543.261.900	13.034.325.864	33.577.587.764

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	607.875.466	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	43.648.065	-
	<hr/> 651.523.531	<hr/> -
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Dự phòng phải thu khó đòi	(131.705.398)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	(379.282.727)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) – thuần	<hr/> 519.818.133	<hr/> (379.282.727)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
▪ Công ty TNHH Thủy sản Minh Quý	23.240.000.000	16.840.235.640
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	13.788.904.193	663.163.400
▪ Các nhà cung cấp khác	90.124.575.707	88.851.504.434
	<hr/> 127.153.479.900	<hr/> 106.354.903.474
Số có khả năng trả nợ	<hr/> 127.153.479.900	<hr/> 106.354.903.474

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	23.240.000.000	16.840.235.640
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	13.788.904.193	663.163.400
▪ Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú	5.787.027.687	2.796.286.182
▪ Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	1.307.405.340	1.823.044.908
▪ Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	1.304.587.754	1.585.803.106
▪ Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú	77.537.477	273.690.187
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	-	3.480.000.000

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.124.457.117	(10.124.457.117)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.692.712.453	19.602.496.439	(15.953.109.006)	-	9.342.099.886
Thuế giá trị gia tăng	-	27.345.587.001	-	(27.345.587.001)	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	353.162.933	(3.664.286.711)	3.311.123.778	-
Thuế khác	-	2.177.708.068	(2.177.708.068)	-	-
	5.692.712.453	59.603.411.558	(31.919.560.902)	(24.034.463.223)	9.342.099.886

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số được hoàn lại VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.725.689.395	89.788.770.607	(6.628.627.196)	(27.345.587.001)	74.540.245.805

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.671.630	-	205.671.630
Thuế nhập khẩu	761.228.693	-	761.228.693
Các loại thuế khác	566.029.500	3.311.123.778	3.877.153.278
	1.532.929.823	3.311.123.778	4.844.053.601

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	294.773.460.099	2.598.649.675
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	3.967.549.309	2.913.472.096
Phải trả khác cho nhân viên	32.249.725	8.940.000.000
Phải trả khác	635.307.430	302.557.155
	299.408.566.563	14.754.678.926

Không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		
	1/1/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	1.874.070.145.202	6.651.838.702.164	(6.901.009.712.508)
			2.546.804.896
			1.627.445.939.754
Số có khả năng trả nợ	1.874.070.145.202		1.627.445.939.754

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
		2024	2023		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	3,2% - 3,8%	3,0% - 3,8%	344.206.733.587	709.803.899.856
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,8% - 4,0%	3,8% - 4,2%	817.317.870.236	273.935.437.072
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND	-	2,8% - 3,7%	-	603.211.532.292
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	3,5% - 3,8%	3,2% - 4,0%	391.719.803.534	183.400.305.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
– Chi nhánh Cà Mau	USD	3,8% - 4,0%	3,8% - 4,0%	74.201.532.397	56.565.733.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
– Chi nhánh Cà Mau	VND	-	3,0% - 3,7%	-	47.153.237.582
				1.627.445.939.754	1.874.070.145.202

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 4)
- Đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 5(c))
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	36.194.142.791	50.791.852.620
Trích lập trong năm	19.388.032.735	-
Tăng khác	883.819.000	22.500.000
Sử dụng trong năm	(10.930.007.957)	(14.620.209.829)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	45.535.986.569	36.194.142.791
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.998.873.000.000	292.399.641.421	57.363.079.045	1.281.491.010.112	5.630.126.730.578
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(10.569.377.579)	(10.569.377.579)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(164.353.680.300)	(164.353.680.300)
Sử dụng quỹ	-	-	(41.581.278.415)	-	(41.581.278.415)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.998.873.000.000	292.399.641.421	15.781.800.630	1.106.567.952.233	5.413.622.394.284
Phát hành cổ phiếu	10.510.000.000	(130.000.000)	-	-	10.380.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	35.129.067.922	35.129.067.922
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(300.703.725.000)	(300.703.725.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	77.552.130.941	(77.552.130.941)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(19.388.032.735)	(19.388.032.735)
Sử dụng quỹ	-	-	(31.076.874.082)	-	(31.076.874.082)
Tặng khác	-	-	335.926.163	-	335.926.163
Các điều chỉnh khác	-	-	-	(13.862.746.627)	(13.862.746.627)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.009.383.000.000	292.269.641.421	62.592.983.652	730.190.384.852	5.094.436.009.925

(*) Ngày 26 tháng 11 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền cho các cổ đông là 300.703.725.000 VND, tương đương 750VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (2023: 164.353.680.300 VND, tương đương 411 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	400.938.300	4.009.383.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	400.938.300	4.009.383.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	292.269.641.421	-	292.399.641.421

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	399.887.300	3.998.873.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	1.051.000	10.510.000.000	-	-
Số dư cuối năm	400.938.300	4.009.383.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.296.850.560	19.296.850.560
Từ hai đến năm năm	5.201.772.000	7.698.622.560
	24.498.622.560	26.995.473.120

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
JPY	327.544.012	53.389.673.956	371.979.219	63.608.446.449
USD	62.933	1.600.392.039	79.600	1.926.329.922
EUR	29.478	784.122.248	30.539	797.059.287
CAD	1.230	21.187.826	1.265	21.800.887
AUD	64	1.015.150	124	1.956.830
		55.796.391.219		66.355.593.375

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết bán JPY và USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cam kết hợp đồng bán JPY	104.849.970.000	175.938.830.000
Cam kết hợp đồng bán USD	-	62.940.800.000
	104.849.970.000	238.879.630.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	654.545.455	13.297.209.140

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	7.674.771.840.467	5.769.776.721.173
▪ Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	797.915.282.847	731.363.091.118
▪ Phế liệu đã bán	16.591.235.992	11.875.161.141
	8.489.278.359.306	6.513.014.973.432
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	37.082.765.882	73.917.417.301
▪ Chiết khấu thương mại	546.275.736	-
▪ Giảm giá hàng bán	191.813.451	-
	37.820.855.069	73.917.417.301
Doanh thu thuần	8.451.457.504.237	6.439.097.556.131

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm đã bán	7.100.788.770.346	5.142.109.484.874
Nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	757.405.763.419	702.892.592.451
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.646.608.032)	(3.288.701.810)
	<hr/> 7.853.547.925.733	<hr/> 5.841.713.375.515 <hr/>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức	350.628.844.040	199.010.127.460
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	7.232.006.041	9.836.196.139
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	38.202.696.209	39.518.838.472
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	163.676.600	147.308.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	304.662.363	4.597.498.005
Doanh thu hoạt động tài chính khác	445.024.571	-
	<hr/> 396.976.909.824	<hr/> 253.109.968.476 <hr/>

28. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	321.924.202.372	350.839.854.966
Chi phí lãi vay	67.949.740.925	69.723.588.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	57.003.444.650	57.962.595.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	3.289.816.560	120.302.918
Chi phí tài chính khác	798.823	32.296.619
	<hr/> 450.168.003.330	<hr/> 478.678.638.072 <hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí vận chuyển	207.999.764.573	96.602.075.738
Chi phí thuê kho	80.899.878.436	90.570.387.810
Chi phí hoa hồng	42.595.863.781	33.288.528.537
Chi phí nhân viên	19.531.955.122	19.659.724.209
Chi phí bán hàng khác	65.923.225.705	48.493.232.114
	416.950.687.617	288.613.948.408

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	54.750.497.808	57.547.547.530
Dụng cụ văn phòng	13.613.681.540	13.636.475.634
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.506.375.105	9.464.488.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.240.577.018	7.264.504.750
Phí ngân hàng	2.102.503.100	1.318.569.432
Chi phí quản lý khác	12.229.262.286	7.349.819.351
	98.442.896.857	96.581.405.015

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại và chi phí nguyên vật liệu đã bán	6.068.707.862.342	4.794.742.860.779
Chi phí nhân công và nhân viên	831.600.054.728	761.266.720.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.192.506.549	327.259.350.821
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.205.902.769	39.137.738.061
Chi phí khác	96.898.684.519	76.596.680.108

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(899.100.860)	1.150.550.383
	(899.100.860)	1.150.550.383

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	34.229.967.062	(9.418.827.196)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.422.996.706	(941.882.720)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.006.495.503	3.981.332.779
Thu nhập không bị tính thuế	(35.079.252.064)	(19.901.012.746)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	29.750.658.995	18.012.113.070
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(899.100.860)	1.150.550.383

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20.771.653.470	2.077.165.347	-	-
Lỗ tính thuế	456.856.067.177	45.685.606.718	180.121.130.702	18.012.113.070
	477.627.720.647	47.762.772.065	180.121.130.702	18.012.113.070

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ VND
2029	20.771.653.470

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	180.121.130.702
2029	Chưa quyết toán	276.734.936.475
		456.856.067.177

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	389.511.540.670	246.443.375.876
Cổ tức	13.650.000.000	12.239.067.665
Chi phí thuê nhà xưởng	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi phí thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Bán thành phẩm	23.924.818.149	-
Góp vốn	311.549.398.531	14.100.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	9.600.000.000	9.600.000.000
Cổ tức	-	9.996.354.940
Chi phí thuê văn phòng	220.000.000	80.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua thành phẩm	759.334.275.932	705.514.656.152
Mua nguyên vật liệu	-	3.923.347.381
Cổ tức	270.043.844.040	117.923.076.000
Bán thành phẩm	970.501.280.890	750.086.381.233
Hàng bán bị trả lại	-	31.428.585.977
Bán nguyên vật liệu	-	1.166.006.569
Chi phí khác	887.100.435	668.831.499
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	2.000.000.000
Bán tài sản cố định	1.842.500.000	-
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	101.736.831.101	67.008.280.911
Góp vốn	166.526.186.199	97.673.770.000
Cho vay	32.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	30.300.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	262.471.232	-
Bán tài sản cố định	-	1.200.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú		
Góp vốn	27.000.000.000	37.490.000.000
Chi phí khác	1.007.001.295	1.031.555.970
Mua nguyên vật liệu	507.250.556	256.796.379
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	37.141.130.078	63.051.495.680
Cho vay	127.600.000.000	109.400.000.000
Thu hồi khoản cho vay	105.083.309.684	6.416.690.316
Thu nhập lãi cho vay	5.159.170.929	5.276.421.644
Mua tài sản cố định hữu hình	-	1.774.713.256
Mseafood Corporation		
Bán thành phẩm	1.127.593.960.170	1.086.617.213.188
Hàng bán bị trả lại	33.364.298.040	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	21.447.039.150	17.848.074.420
Mua nguyên vật liệu	66.798.795.786	20.613.480.157
Cổ tức	27.000.000.000	42.501.628.855
Phí xét nghiệm	1.353.600.000	826.800.000
Phí chứng nhận hàng hóa	1.007.001.285	1.031.555.975
Chuyển nhượng khoản đầu tư	-	1.500.000.000
Ebisumo Logistic Co., Ltd.		
Bán thành phẩm	235.996.905.390	253.157.173.515
Cổ tức	-	3.500.000.000
Góp vốn	-	3.500.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú		
Bán thành phẩm	60.781.405.500	65.190.842.000
Cổ tức	4.500.000.000	-
Mua dịch vụ	263.216.113	13.307.778
Bán tài sản cố định	-	56.668.288
Góp vốn	2.500.000.000	3.958.663.881
Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú		
Cổ tức	25.235.000.000	12.250.000.000
Công ty TNHH Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú		
Mua nguyên vật liệu	525.991.680.949	217.707.675.257
Mua dịch vụ	15.554.411.301	10.817.915.819
Cổ tức	3.000.000.000	600.000.000
Góp vốn	-	1.500.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú		
Góp vốn	98.300.000.000	36.900.000.000
Mua tài sản cố định	-	831.595.988
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	21.518.475.996	16.732.343.233
Chi phí thuê xe	480.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics		
Cho vay	10.500.000.000	13.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	6.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	507.565.753	174.904.109
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		
Góp vốn	-	2.832.000.000
Cổ tức	7.200.000.000	-
Bán thành phẩm	4.500.000	-
Công ty liên kết gián tiếp		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	45.282.156.173	57.336.168.135
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Chi phí thuê văn phòng	3.942.862.100	3.814.446.000
Các cổ đông chính		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Chia cổ tức	105.300.000.000	57.704.400.000
Chu Thị Bình		
Chia cổ tức	52.772.145.000	27.365.266.116
Mua lại cổ phần trong một công ty con	4.000.000.000	-
Lê Văn Quang		
Chia cổ tức	48.351.600.000	25.015.983.129

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Quang	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Điệp	150.000.000	150.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	325.000.000	390.000.000
Bà Hồ Thu Lê	325.000.000	390.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	325.000.000	390.000.000
Ông Sasaki Takahiro	325.000.000	390.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	167.916.667	-
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	145.000.000	390.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	1.531.040.109	1.411.107.151
Bà Chu Thị Bình	1.285.073.613	1.616.615.343
Ông Lê Văn Điệp	3.746.085.530	4.315.867.749
Ông Bùi Anh Dũng	24.350.000	29.100.000
Ông Lê Ngọc Anh	328.250.000	-
Bà Lê Thị Dịu Minh	1.009.428.834	1.036.264.208
Ông Chu Hồng Hà	-	-
Ông Tsunoda Norihisa	900.900.000	1.081.080.000
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	439.462.983	500.093.869
Bà Lâm Thị Thúy Kiều	338.841.858	-
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	48.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chuyển đổi khoản phải thu từ các công ty con thành vốn góp	1.940.000.000	3.320.000.000
Chuyển đổi khoản cổ tức phải thu từ các công ty con thành vốn góp	-	6.500.000.000
Cần trừ khoản cổ tức phải thu từ các công ty con với khoản phải trả cho các công ty con	276.543.844.040	23.891.127.047
Cần trừ khoản cổ tức phải thu từ các công ty con với các khoản ứng trước	22.235.422.605	-
Mua xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình nhưng chưa thanh toán	3.544.706.487	2.983.113.622

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt




Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận riêng công ty mẹ năm 2024 so với cùng kỳ)

KÍNH GỬI : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a, b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ năm 2024 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2023
Lợi nhuận sau thuế	35.129.067.922	(10.569.377.579)

Nguyên nhân:

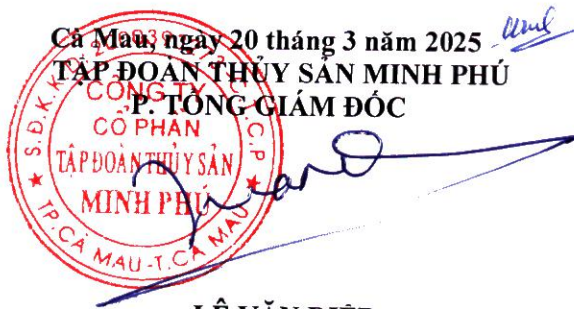
- Do công ty mẹ nhận cổ tức từ công ty con tăng so với cùng kỳ .

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ có lãi trong năm, tăng trên 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2025 *Amf*
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
P. TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ VĂN ĐIỆP

CÔNG TY CP
TẬP ĐOÀN
THỦY SẢN
MINH PHÚ

LÊ VĂN ĐIÊP